

Name: .....

Ngữ pháp: .....

Date: .... / .... / 20....



Đọc – Viết: .....

Class: S2...

Mini Test: .....

Tel: 034 200 9294

**GLOBAL ENGLISH 2**

**Unit 9: Let’s explore the city! – Vocabulary 2**

❖ **Lưu ý:** Với các từ vựng mở rộng thầy cô có cho ghi trong vở (nếu có) và các từ vựng mở rộng trong phiếu để có chú thích nghĩa: con về nhà chép mỗi từ **1 dòng** để ghi nhớ nhé

**I. New Vocabulary**

No	Word	Meaning	No	Word	Meaning
1	shopping centre (n)	trung tâm mua sắm	9	amazing (adj)	tuyệt vời, kỳ diệu
2	museum (n)	bảo tàng	10	clumsy (adj)	hậu đậu, vụng về
3	market (n)	chợ	11	dangerous (adj)	nguy hiểm
4	walk straight ahead (phr.v)	đi thẳng	12	gentle (adj)	dịu dàng, hoà nhã
5	take the first left / right (phr.v)	rẽ trái / phải ở ngã rẽ đầu tiên	13	graceful (adj)	Có duyên, duyên dáng
6	go up to the traffic light (phr.v)	đi đến đèn giao thông	14	huge (adj)	to lớn
7	walk one more block (phr.v)	đi qua một dãy phố nữa	15	cute (adj)	đẽ thương
8	turn left / right (v)	rẽ trái / phải	16	it’s on your left / right (phr)	nó nằm ở bên trái / phải của bạn

**Lưu ý:** n = noun: danh từ, v = verb: động từ, adj = adjective: tính từ, phr.v = phrasal verb: cụm động từ

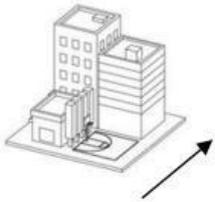
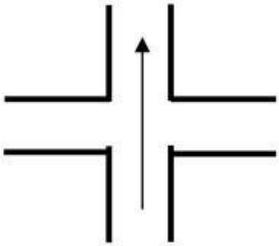
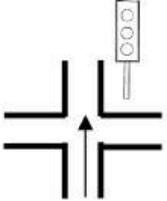
\*Con học thuộc nghĩa của từ và chép mỗi từ **1 dòng** vào vở ghi.

**II. Homework**

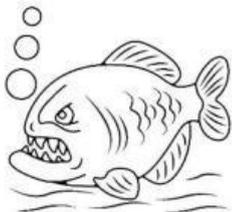
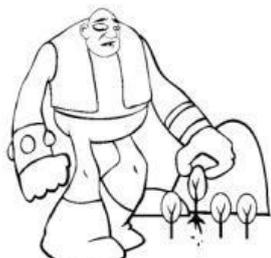
**Exercise 1: Unscramble.**

0. ughe	=> <u>huge</u>	3. rametk	=> m _____
1. utce	=> c _____	4. umclys	=> c _____
2. racgeulf	=> g _____	5. mmuuse	=> m _____

**Exercise 2: Circle the correct answer.**

		
<p>0. <input checked="" type="radio"/> A. walk one more block B. turn right</p>	<p>1. A. walk straight ahead B. take the first left</p>	<p>2. A. it's on your left B. turn right</p>
		
<p>3. A. take the first left B. go up to the traffic light</p>	<p>4. A. it's on your right B. walk one more block</p>	<p>5. A. cute B. huge</p>

**Exercise 3: Fill in the blank.**

<p>0.  <u>amazing</u></p>	<p>3.  d<u>  </u>ng<u>  </u>ro<u>  </u>s</p>
<p>1.  cl<u>  </u>m<u>  </u>y</p>	<p>4.  gr<u>  </u>ce<u>  </u>ul</p>
<p>2.  h<u>  </u>g<u>  </u></p>	<p>5.  g<u>  </u>n<u>  </u>le</p>

## Part 3

– 6 questions –

Read the story. Choose a word from the box. Write the correct word next to numbers 1–5. There is one example.

Daisy and Charlie live in a house in the .....countryside..... near a forest. The children love to play in the forest and they go there a lot. They like to (1) ..... trees and to hide there from their mum and dad. One afternoon, the children were in the forest.

Then Daisy said, 'What's that noise?'

'Can you help me?' someone said.

Daisy and Charlie saw a woman. She was on the

(2) .....

'What's the matter?' asked Daisy.

'I (3) ..... and I can't walk because my leg hurts,' the woman said.

Daisy sat with the woman and Charlie ran to get Dad.

'Don't worry,' said Daisy. 'Our dad is very (4) .....

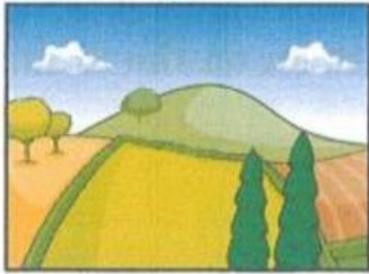
He can help you.'

Then Dad came and he (5) ..... the woman back to the house.

'Thank you, children,' she said. 'My name is Clare. I write books for children. I'd like to put you in my book about the forest. Is that OK?'

'It's fantastic!' said Daisy and Charlie.

## Example



countryside



hop



fell



sunny



strong



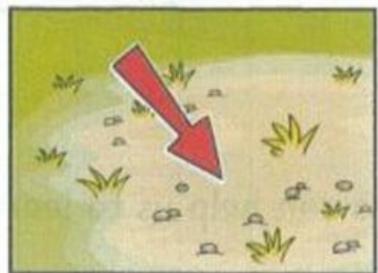
carried



climb



watered



ground

(6) Now choose the best name for the story.

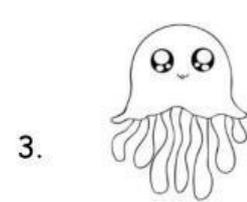
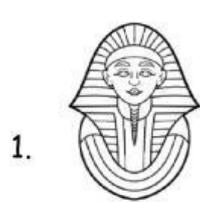
Tick one box.

Charlie loses his sister

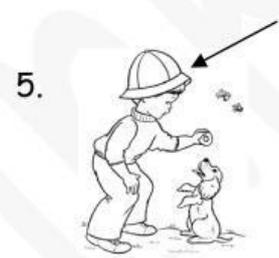
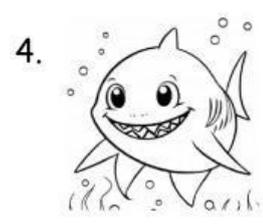
An exciting day in the forest

Daisy and Charlie help Dad

**Exercise 1: Match.**



- penguin**   **jellyfish**   **owner**   **toss**   **ancient**   **shark**



**Exercise 2: Write the correct adverb.**

	Tính từ	Trạng từ đuôi ly
0	loud	loudly
1	happy	
2	sad	
3	slow	
4	angry	
5	careful	

Mọi ý kiến đóng góp của phụ huynh sẽ là động lực để StarLink nâng cao chất lượng đào tạo. Mời bố mẹ quét mã ở đây để thực hiện khảo sát ạ!

